

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 02 năm 2024

Năm thứ mười bảy

Mục lục

- Bàn về nội dung công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở địa phương hiện nay 3
Trần Minh Đức, Nguyễn Hoàng Yến
- Dự báo phát thải khí nhà kính ở Việt Nam đến năm 2030 và hàm ý chính sách..... 10
Hồ Trọng Phúc, Trương Tấn Quân, Phạm Xuân Hùng, Hoàng Thị Liễu
- Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định trồng rau VietGAP tại vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung..... 29
Tống Thị Hải Hạnh, Hoàng Hồng Hiệp
- Chất lượng điều hành kinh tế với phát triển hệ thống doanh nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung 39
Châu Ngọc Hoè
- Phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp tạo nguồn hàng cho phát triển dịch vụ logistics tại tỉnh Quảng Nam 48
Phan Thị Sông Thương, Hồ Thị Kim Thùy, Nguyễn Hữu Thanh, Nguyễn Tất Trường
- Tác động của trải nghiệm khách hàng trực tuyến đến ý định mua lặp lại của khách hàng tại thành phố Huế 59
Lê Ngọc Anh Vũ
- Tình trạng việc làm của lao động nữ nông thôn huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế 73
Dương Thị Dung Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Thảo
- Khám phá mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức và sự gắn kết nhân viên: Nghiên cứu định tính về ngành ngân hàng..... 81
Tô Phước Hải, Trương Minh Ký
- Tình hình xây dựng, trùng tu đình làng xứ Quảng qua các thời kì lịch sử..... 93
Lê Xuân Thông
- Chúa Tiên Nguyễn Hoàng với vùng đất Duy Xuyên..... 105
Ngô Văn Minh
- Tiến trình phát triển, phục dựng và phát huy nghệ thuật Bài Chòi tỉnh Khánh Hòa trong xã hội đương đại 112
Nguyễn Thị Thanh Xuyên, Ngô Đức Chí, Hoàng Thị Thu Hương
- Một số khó khăn, thách thức đặt ra trong phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay 127
Nguyễn Văn Thắng
- Biến đổi cấu trúc gia đình người Chăm Balamôn trong quá trình hội nhập..... 135
Võ Văn Dũng
- Vẻ đẹp thị giác trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương..... 142
Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Văn Hoá

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 02 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 6/2024.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 02, 2024

The 17th Year

Contents

1. Discussing the current legal dissemination and education on environmental protection in localities.....**3**
Tran Minh Duc, Nguyen Hoang Yen
 2. Forecasting greenhouse gas emissions in Vietnam by 2030 and policy implications..... **10**
Ho Trong Phuc, Truong Tan Quan, Pham Xuan Hung, Hoang Thi Lieu
 3. Factors influencing farmers' decisions to adopt VietGAP in vegetable production in the Central key economic region.....**29**
Tong Thi Hai Hanh, Hoang Hong Hiep
 4. The impact of local economic governance quality on the development of the enterprise system in the Central key economic region.....**39**
Chau Ngoc Hoe
 5. Developing economic zones and industrial parks to generate sources of goods for logistics service growth in Quang Nam province**48**
Phan Thi Song Thuong, Ho Thi Kim Thuy, Nguyen Huu Thanh, Nguyen Tat Truong
 6. The impact of online customer experience on customers' repurchase intention in Hue city ...**59**
Le Ngoc Anh Vu
 7. Rural female workers' employment status in Phu Vang district, Thua Thien Hue province.....**73**
Duong Thi Dung Hanh, Nguyen Thi Thanh Thao
 8. The relationship between organizational culture and employee engagement: A qualitative study on the banking industry.....**81**
To Phuoc Hai, Truong Minh Ky
 9. The construction and restoration of communal houses in the Quang region during historical periods.....**93**
Le Xuan Thong
 10. The first Lord Nguyen Hoang and the land of Duy Xuyen..... **105**
Ngo Van Minh
 11. The process of developing, restoring, and promoting the art of Bai Choi in Khanh Hoa province in the contemporary society **112**
Nguyen Thi Thanh Xuyen, Ngo Duc Chi, Hoang Thi Thu Huong
 12. Difficulties and challenges in promoting the will of self-reliance and resilience among ethnic minorities in the current context..... **127**
Nguyen Van Thang
 13. Changes in family structure of Cham Brahman in the integration process **135**
Vo Van Dung
 14. Visual beauty in Ho Xuan Huong's Nom poetry..... **142**
Nguyen Thi Hong Hanh, Pham Van Hoa
-

Chất lượng điều hành kinh tế với phát triển hệ thống doanh nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung

Châu Ngọc Hoè

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Email liên hệ: chaungochoe01@gmail.com

Tóm tắt: Chất lượng điều hành kinh tế địa phương có vai trò rất quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là hệ thống doanh nghiệp ở địa phương. Xu hướng chung cho thấy, chất lượng điều hành kinh tế địa phương ở vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp. Bằng công cụ định lượng, bài viết đã tìm thấy tác động của quy mô nền kinh tế, chi phí gia nhập thị trường thấp, chi phí không chính thức thấp, chính sách đào tạo lao động tốt có tác động ý nghĩa lên sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp. Ngược lại, bài viết cũng chưa tìm thấy tác động ý nghĩa thống kê của các yếu tố tiếp cận đất đai thuận lợi, chi phí thời gian thấp, môi trường kinh doanh minh bạch, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tốt, pháp lý địa phương tốt lên sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp. Từ những phát hiện đó, bài viết đã đề xuất một số hàm ý gắn với thực tiễn phát triển hệ thống doanh nghiệp tại các địa phương vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung.

Từ khoá: Điều hành kinh tế, doanh nghiệp, tác động, vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung.

The impact of local economic governance quality on the development of the enterprise system in the Central key economic region

Abstract: The quality of local economic governance plays a crucial role in promoting socio-economic development, particularly the enterprise system. Trends indicate that the quality of local economic governance in the Central key economic region positively impacts the development of the enterprise system. Using quantitative tools, the article indicates that the size of the economy, low market entry costs, low informal costs, and effective labor training policies significant affect the development of the enterprise system. Conversely, the article does not find statistically significant impacts of factors such as land accessibility, low time costs, transparent business environment, effective business support services, and good local legal systems on the development of the enterprise system. Based on these findings, the article proposes several implications suitable for the development of the enterprise system in localities in the Central key economic region.

Keywords: Economic governance, enterprises, impacts, Central key economic region

Ngày nhận bài: 28/4/2024 **Ngày phản biện:** 05/5/2024 **Ngày duyệt đăng:** 10/6/2024

1. Đặt vấn đề

Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung (KTTĐMT) được thành lập theo Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm 5 tỉnh/thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Đến nay, toàn vùng có khoảng hơn 52,1 nghìn doanh nghiệp (DN) đang hoạt động, với tổng vốn hơn 1,6 triệu tỷ đồng, tạo việc làm cho hơn 844 nghìn lao động, 1,16 triệu tỷ doanh thu và hơn 47,8 nghìn tỷ lợi nhuận. Trong đó, Đà Nẵng là địa phương có số lượng DN lớn nhất vùng, với 48,79% số DN, 34,16% số lao động và đóng góp gần 30% tổng doanh thu của các DN trong vùng (GSO, 2024). Ở Việt Nam, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đo lường chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền cấp tỉnh trên 10 lĩnh vực quan trọng đối với sự phát triển của DN (VCCI, 2024, 6). Tính đến năm 2022, xếp hạng PCI của các địa phương ở vùng KTTĐMT là rất tốt, cụ thể: Thừa Thiên Huế (6), Đà Nẵng (9), Quảng Nam (22), Quảng Ngãi (33), Bình Định (21). Năm 2023, các địa phương trong vùng có sự thay đổi xếp hạng nhất định, theo đó Đà Nẵng tụt xuống vị trí 16, Thừa Thiên Huế tụt xuống vị trí

thứ 8, Bình Định tụt xuống vị trí thứ 25 và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi vẫn ở nửa sau của bảng xếp hạng (VCCI, 2024). Chất lượng điều hành kinh tế và môi trường kinh doanh là cơ sở quan trọng cho sự hoạt động ổn định và phát triển của DN. Đồng thời, chất lượng điều hành kinh tế và môi trường kinh doanh là nền tảng quan trọng để thu hút các DN mới gia nhập thị trường, quyết định đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh,... Ở cấp địa phương, các chỉ số của điều hành kinh tế cung cấp nhiều thông tin quan trọng cho DN đưa ra các chiến lược phát triển phù hợp. Từ những vấn đề đặt ra đó, bài viết nghiên cứu tác động của chất lượng điều hành kinh tế đến sự phát triển hệ thống các DN ở các địa phương vùng KTTĐMT và đề xuất các hàm ý nhằm thúc đẩy phát triển hệ thống DN.

2. Tổng quan nghiên cứu

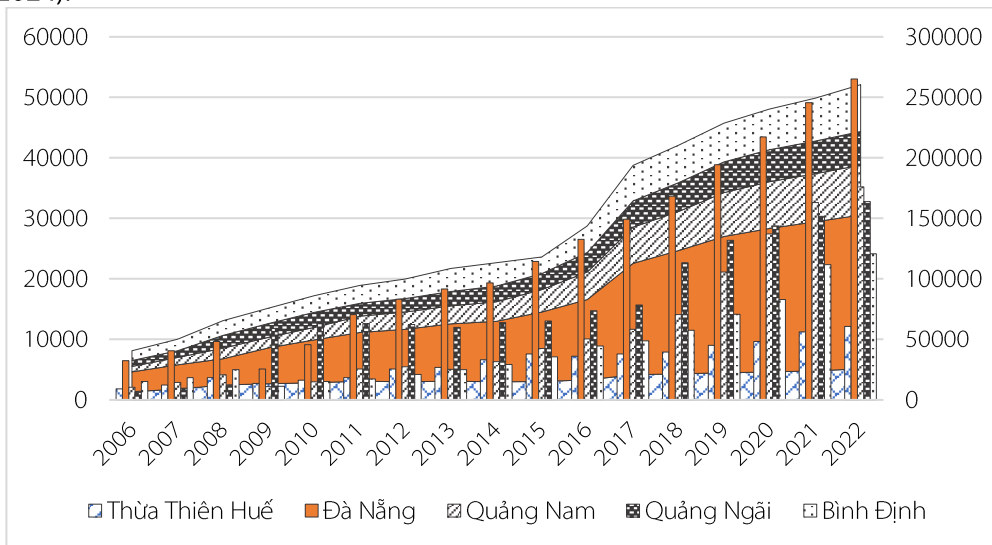
Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đo lường chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền cấp tỉnh trên 10 lĩnh vực quan trọng đối với sự phát triển của DN (VCCI, 2024). Theo VCCI (2024) chất lượng điều hành kinh tế cấp tỉnh có sự cải thiện theo thời gian, công tác hỗ trợ DN có những chuyển biến tích cực, cải cách thủ tục hành chính đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, các vấn đề từ tiếp cận đất đai, tính tiên phong của chính quyền địa phương và môi trường kinh doanh bình đẳng cần được tiếp tục cải thiện hơn nữa để hỗ trợ DN (VCCI, 2024). Đặc biệt, báo cáo của VCCI cũng chỉ ra các DN ít lạc quan hơn về triển vọng kinh tế năm 2024 so với những năm trước đó (VCCI, 2024). Các công cụ đo lường chất lượng điều hành kinh tế rất đa dạng như trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, hiệu suất và hiệu quả của các thể chế công (Worthington & Dollery, 2000); các thước đo tài chính như tỷ lệ nợ, ổn định ngân sách, chi tiêu bình quân đầu người, doanh thu thuế bình quân đầu người,... (Balaguer-Coll và cộng sự, 2022). Dưới từng tiêu chí đánh giá chất lượng điều hành kinh tế cũng có khả năng tác động nhất định đến sự phát triển của hệ thống DN. Chi phí gia nhập thị trường là yếu tố quan trọng cản trở sự phát triển của DN, các rào cản thị trường là thách thức cho sự phát triển của DN (Agarwal và cộng sự, 1992; Madhok, 1998). Trong khi đó, các yếu tố tăng trưởng thị trường, quy mô thị trường và các rủi ro thị trường cũng có những ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của DN (Leonidou, 2004). Tiếp cận đất đai tốt cũng là cơ hội để phát triển hệ thống DN, đặc biệt là cơ hội thuận lợi cho các DN phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất. Ahene (2009) chỉ ra rằng, để hỗ trợ tốt hơn cho DN bằng việc cung cấp đầy đủ hơn thông tin đất đai và cung cấp dịch vụ đất đai nhất quán. Ở Việt Nam, đã có nhiều nghiên cứu đánh giá tác động đến sự phát triển của hệ thống DN sử dụng chỉ số PCI và chỉ ra được vai trò của từng yếu tố thành phần quan trọng. Phạm Thế Anh và cộng sự (2015) nghiên cứu và tìm thấy ảnh hưởng của các yếu tố gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai, tính minh bạch, chi phí thời gian, chi phí không chính thức, tính tiên phong, dịch vụ hỗ trợ DN, đào tạo lao động và pháp lý có ảnh hưởng nhất định đến doanh thu của hệ thống DN nói chung, DN đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và DN trong nước nói riêng. Trong khi đó, Lê Văn Hường và cộng sự (2022) tìm thấy ảnh hưởng của tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định, thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng, cùng với môi trường cạnh tranh bình đẳng và chính sách đào tạo lao động tốt là những yếu tố giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của DN. Nguyễn Đức Tân (2023) tìm thấy ảnh hưởng của mức độ cạnh tranh thị trường và chất lượng môi trường kinh doanh cấp tỉnh có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của DN. Chu Thị Phương Mai (2015) cũng tìm thấy được ảnh hưởng của cả 10 yếu tố PCI đối với sự phát triển của các DN FDI. Nhiều tác giả khác cũng tìm thấy những kết quả tương tự về tác động của các chỉ số PCI đối với sự phát triển DN (Nguyễn Xuân Bé, 2023; Nguyễn Phú Sơn và cộng sự, 2013; Hồ Chí Dũng và cộng sự, 2018;...). Nghiên cứu của Hoàng Hồng Hiệp và cộng sự (2022) chỉ ra rằng quy mô thị trường nội tỉnh, chất lượng thể chế địa phương đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự thành công của DN nhỏ và vừa.

3. Chất lượng điều hành kinh tế với phát triển hệ thống doanh nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung

Tính đến 31/12/2022 toàn vùng KTTĐMT có hơn 52,1 nghìn DN đang hoạt động, tăng gấp 6,4 lần so với năm 2006, bình quân hàng năm tăng hơn 2,7 nghìn DN. Trong đó, Đà Nẵng là địa

phương có số lượng lớn nhất và tăng nhanh nhất về quy mô DN, từ hơn 3,2 nghìn DN năm 2006 lên hơn 25,4 nghìn DN năm 2022, chiếm 48,79% toàn vùng; Thừa Thiên – Huế là địa phương có số lượng DN thấp nhất vùng với hơn 1,3 nghìn DN năm 2006 tăng lên hơn 5,1 nghìn DN 2022; Quảng Ngãi có 972 DN năm 2006 tăng lên hơn 5,5 nghìn DN năm 2022; Quảng Nam có 904 DN năm 2006 tăng lên hơn 8,2 nghìn DN năm 2022 và Bình Định có 1,6 nghìn DN năm 2006 tăng lên hơn 7,7 nghìn DN năm 2022 (GSO, 2024).

Về quy mô tài sản cho thấy sự gia tăng nhất định tài sản của các DN ở các địa phương trong vùng trong giai đoạn 2006-2022. Theo đó, tổng quy mô tài sản của các DN năm 2006 chỉ đạt hơn 73,4 nghìn tỷ đồng thì đến năm 2022 đạt 786 nghìn tỷ đồng. Quy mô tài sản trung bình của các DN Quảng Ngãi là cao nhất, đạt trên 29,56 tỷ đồng/DN; Quảng Nam đạt 21,3 tỷ đồng/DN; Bình Định đạt 15,6 tỷ đồng/DN; Thừa Thiên Huế đạt 11,8 tỷ đồng/DN và Đà Nẵng đạt 10,4 tỷ đồng/DN (GSO, 2024).

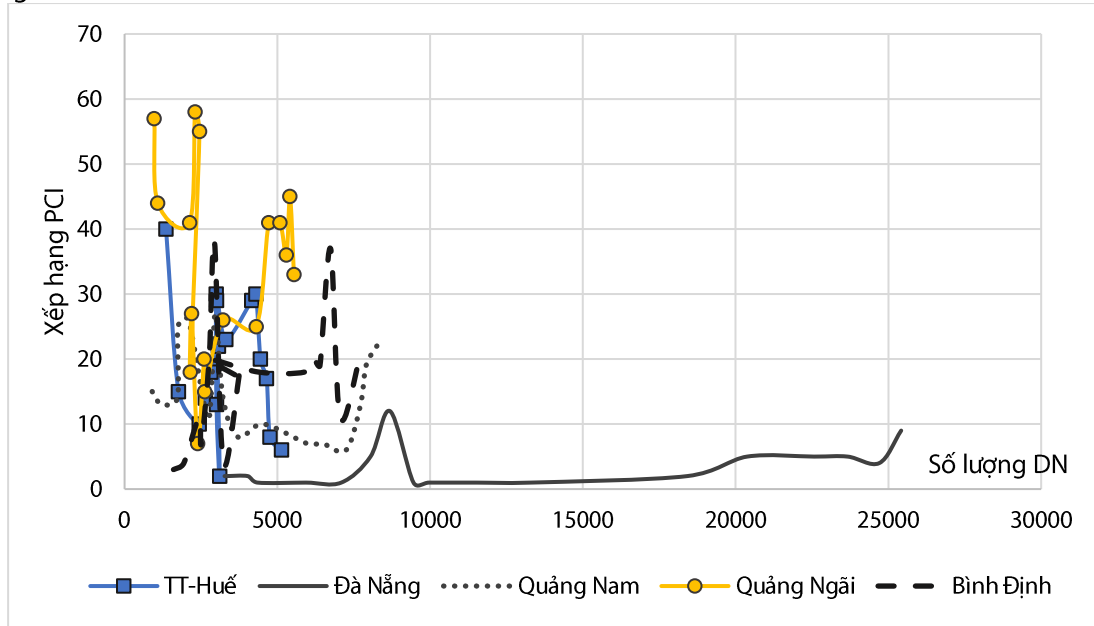


Hình 1: Số doanh nghiệp và quy mô tài sản của doanh nghiệp phân theo địa phương

Nguồn: GSO, 2024

Báo cáo PCI hàng năm (VCCI) cho thấy được sự cải thiện đáng kể trong điều hành kinh tế của các địa phương vùng KTTĐMT được thể hiện qua sự gia tăng các điểm số thành phần của PCI (VCCI, 2024). Tuy nhiên, về xếp hạng PCI có những biến động đáng kể trong suốt thời gian qua ở nhiều tỉnh/thành phố trong cả nước. Đặc biệt, Đà Nẵng là địa phương được xếp hạng PCI là rất tốt trong suốt nhiều năm qua. Điều đó chứng tỏ rằng chất lượng điều hành kinh tế của thành phố Đà Nẵng là rất tốt. Tỉnh Thừa Thiên Huế cũng có thời điểm được xếp hạng PCI là rất tốt như năm 2013, 2021, 2022 đều nằm trong top 10; Quảng Nam cũng được xếp hạng rất tốt ở các năm 2015, 2017, 2018, 2019; Quảng Ngãi ở năm 2013 và Bình Định ở các năm 2006, 2007, 2009, 2012. Tuy nhiên, nhìn chung ngoài Đà Nẵng thì các địa phương còn lại có nhiều năm được xếp hạng rất thấp, thậm chí là ở gần cuối của 63 tỉnh/thành phố trong cả nước. Cụ thể: Thừa Thiên Huế được xếp hạng 40/63 năm 2006, năm 2012 xếp hạng 30/63; Đà Nẵng năm được xếp hạng thấp nhất 2012 xếp 12/63; Quảng Nam được xếp thấp nhất là 27/63 vào năm 2013; Quảng Ngãi được xếp thấp nhất 58/63 năm 2009, 57/63 năm 2006; 55/63 năm 2010; Bình Định được xếp thấp nhất 38/63 vào năm 2011, 37/63 vào năm 2020 (VCCI, 2024). Như vậy, xếp hạng PCI có những cải thiện nhất định ở các địa phương vùng KTTĐMT trong suốt thời gian qua nhưng cũng có những biến động nhất định. Hình 2 phản ánh mối quan hệ giữa PCI với sự phát triển quy mô số lượng DN theo địa phương. Theo đó, xu hướng chung là xếp hạng PCI càng tốt thì số lượng DN đang hoạt động theo năm càng lớn, điều đó được thể hiện ở cả 5 tỉnh/thành phố của vùng. Đặc biệt, Đà Nẵng là địa phương có thời gian dài được đánh giá PCI rất tốt, chỉ có ít biến động nhỏ ở năm 2012 và có chiều hướng tăng lên ở năm 2022, đã góp phần thúc đẩy phát triển quy mô số lượng

DN. Hình 2 cũng cho thấy, các địa phương khác như Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định cũng cho thấy xu hướng chung là khi có chỉ số PCI được cải thiện tốt hơn thì số DN tăng cao hơn.



Hình 2: Xếp hạng PCI với Quy mô doanh nghiệp phân theo địa phương

Nguồn: GSO, 2024 và VCCI, 2024

4. Tác động của điều hành kinh tế đến phát triển doanh nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung

4.1. Mô hình nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu và thực tiễn quy mô phát triển hệ thống DN của các địa phương vùng KTTĐMT, chúng tôi xem xét sự phát triển quy mô DN bị ảnh hưởng bởi hai nhóm yếu tố sau: nhóm yếu tố về quy mô kinh tế của địa phương (phản ánh quy mô thị trường) và nhóm yếu tố về chất lượng điều hành kinh tế cấp tỉnh. Mô hình nghiên cứu tổng quát như sau:

$$Y_{it} = \alpha + \beta_1 X_{it} + \beta_2 PCI_{it} + \varepsilon_i + u_{it}$$

Trong đó: Y_{it} phản ánh quy mô số lượng DN, quy mô tài sản, quy mô nguồn vốn, quy mô doanh thu của DN của địa phương thứ i năm thứ t ;

X_{it} phản ánh quy mô gia tăng GDP, tổng vốn đầu tư của nền kinh tế ở địa phương thứ i năm thứ t ;

PCI_{it} phản ánh chất lượng điều hành kinh tế của địa phương thứ i năm thứ t ;

$w_{it} = \varepsilon_i + u_{it}$ phản ánh phần dư của mô hình (ε_i : sai số thành phần khác nhau của các địa phương; u_{it} : sai số thành phần kết hợp của cả đặc điểm riêng của địa phương theo thời gian).

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ nguồn Tổng cục thống kê Việt Nam (GSO, 2024) bao gồm các chỉ tiêu liên quan đến sự phát triển DN của từng địa phương; từ nguồn Cục thống kê các địa phương vùng KTTĐMT với các số liệu về quy mô kinh tế và nguồn dữ liệu được cung cấp bởi VCCI (2024) với các dữ liệu PCI từ 2006 – 2022.

Bảng 1: Mô tả các biến số của mô hình nghiên cứu

TT	Biến số	Diễn giải biến	Nguồn dữ liệu
1	LnDN	Quy mô số DN đang hoạt động của địa phương thứ i năm thứ j	GSO, 2024
2	LnVon	Quy mô tổng vốn của DN địa phương thứ i năm thứ j	GSO, 2024
3	LnTS	Quy mô tổng tài sản của DN địa phương thứ i năm thứ j	GSO, 2024

TT	Biến số	Diễn giải biến	Nguồn dữ liệu
4	LnDT	Quy mô tổng doanh thu của DN địa phương thứ i năm thứ j	GSO, 2024
5	LnGDP	Quy mô tổng sản phẩm quốc nội của địa phương thứ i năm thứ j (LnGDP)	Niên giám thống kê địa phương
6	LnTongl	Quy mô đầu tư thực hiện của địa phương thứ i năm thứ j (LnTongl)	Niên giám thống kê địa phương
7	PCI1	Chi phí gia nhập thị trường thấp	VCCI, 2024
8	PCI2	Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng ổn định	VCCI, 2024
9	PCI3	Môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai	VCCI, 2024
10	PCI4	Thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng;	VCCI, 2024
11	PCI5	Chi phí không chính thức thấp	VCCI, 2024
12	PCI7	Chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho DN	VCCI, 2024
13	PCI8	Dịch vụ hỗ trợ DN phát triển, chất lượng cao	VCCI, 2024
14	PCI9	Chính sách đào tạo lao động tốt	VCCI, 2024
15	PCI10	Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả và an ninh trật tự được đảm bảo	VCCI, 2024

Nguồn: Tổng hợp và đề xuất

4.2. Kết quả ước lượng

Kết quả kiểm định các nhân tố khuếch đại phương sai (VIF) với giá trị điều nhỏ hơn 5 (Kennedy, 2008) cho thấy mô hình không tồn tại đa cộng tuyến. Kiểm định White (Greene, 2000) được sử dụng với kết quả $Prob > \chi^2 = 0,4179 > 0,05$, chứng tỏ mô hình không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Sử dụng kiểm định Wooldridge có kết quả $Prob > F = 0.0035 < 0,05$, chứng tỏ mô hình có tồn tại hiện tượng tự tương quan. Bằng các kỹ thuật hồi quy FEM, REM với dữ liệu bảng (Data panel) và lựa chọn mô hình nghiên cứu FGLS có điều chỉnh hiện tượng tự tương quan để ước lượng tác động của chất lượng điều hành kinh tế đến sự phát triển của hệ thống DN ở các địa phương vùng KTTĐMT. Kết quả ước lượng được biểu thị ở bảng 2.

Kết quả ước lượng cho thấy, yếu tố quy mô nền kinh tế địa phương có tác động rất ý nghĩa (mức ý nghĩa $\alpha \geq 99\%$) đến sự phát triển hệ thống DN vùng KTTĐMT. Điều đó được thể hiện bởi tác động dương của quy mô kinh tế địa phương đối với số lượng DN, quy mô nguồn vốn của DN, quy mô tài sản của DN và quy mô doanh thu của DN. Điều đó cũng được khẳng định trong thực tiễn ở những địa phương có quy mô kinh tế lớn thì có đông đảo số lượng DN đang hoạt động và DN thành lập mới. Chẳng hạn như Đà Nẵng có quy mô kinh tế là lớn nhất vùng, đồng thời cũng có số lượng DN đông đảo nhất vùng. Quy mô kinh tế địa phương lớn cũng phản ánh phần nào được quy mô thị trường, đây là cơ hội quan trọng để các DN khởi nghiệp, phát triển sản xuất, đầu tư nguồn lực và qua đó tạo cơ hội có doanh thu tốt hơn. Đồng thời, việc xem xét quy mô kinh tế trong mô hình nghiên cứu là để kiểm soát tốt hơn các yếu tố tác động đến phát triển của hệ thống DN của các địa phương trong vùng. Bên cạnh quy mô kinh tế, kết quả ước lượng cũng chỉ ra quy mô đầu tư của địa phương có tác động đến số lượng DN của các địa phương ở mức ý nghĩa $\alpha \geq 99\%$. Điều này cho thấy được quy mô đầu tư thực hiện của nền kinh tế địa phương tăng lên mở ra cơ hội cho các DN thành lập mới gia nhập thị trường hoặc các DN gặp khó khăn quay trở lại hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, quy mô đầu tư thực hiện của địa phương không có ảnh hưởng ý nghĩa lên tổng vốn, tài sản và doanh thu của DN.

Liên quan đến chất lượng điều hành kinh tế tác động đến sự phát triển của hệ thống DN của các địa phương cũng thể hiện khá thú vị trên tất cả các phương diện. *Đầu tiên* là yếu tố chi phí gia nhập thị trường thấp (PCI1) lại có tác động đáng kể lên doanh thu của các DN, với mức ý nghĩa $\alpha \geq 95\%$. Điều đó chứng tỏ rằng, khi chi phí gia nhập thị trường thấp thì các DN có được doanh thu tốt hơn. Điều này là phù hợp với thực tiễn khi cơ hội thâm nhập thị trường tốt hơn ở từng địa phương thì nơi đó tạo ra cơ hội tốt hơn cho DN tiêu thụ sản phẩm và thu về doanh số lớn hơn. Tuy nhiên, đối với quy mô số lượng các DN đang hoạt động, nguồn vốn và tài sản của DN thì không có tác động ý nghĩa. Điều này cho phép khẳng định rằng chi phí gia nhập thị trường thấp giúp cho DN gia tăng doanh thu nhưng chưa hẳn giúp cho tăng quy mô DN đang hoạt động, quy mô vốn và tài sản của các DN. *Thứ hai*, về yếu tố tiếp đất đai dễ dàng và sử dụng ổn định (PCI2), chúng tôi chưa tìm thấy ảnh hưởng ý nghĩa lên quy mô DN đang hoạt động, vốn đầu tư, tài sản và cả doanh thu của các DN. Kết quả này phản ánh một thực tiễn rằng các chính sách hỗ trợ đất đai cho DN hiện nay ở các địa phương trong vùng KTTĐMT đều khá tương đồng và theo quy định của luật, nên chưa tạo ra được nhiều sự khác biệt cho sự phát triển của các DN. *Thứ ba*, yếu tố môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai (PCI3), chúng tôi cũng chưa tìm thấy tác động ý nghĩa lên sự phát triển của hệ thống DN tại các địa phương vùng KTTĐMT. Điều này cho thấy được vấn đề cải thiện môi trường kinh doanh, cung cấp thông tin kinh doanh của các địa phương trong vùng cũng khá tương đồng, điều đó đã không tạo ra sự khác biệt giữa các địa phương về yếu tố này đối với sự phát triển của các DN. Thực tiễn chỉ số PCI3 cũng chỉ ra rằng có sự khác biệt tương đối về vị trí xếp hạng nhưng số tuyệt đối không có sự khác biệt lớn giữa các địa phương trong suốt giai đoạn phát triển từ 2006-2022. Các địa phương trong vùng đã rất nỗ lực trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, thể hiện được chỉ số thành phần này được cải thiện đáng kể trong suốt thời gian qua (VCCI, 2024). *Thứ tư*, không như kỳ vọng là yếu tố thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng (PCI4) không có ảnh hưởng ý nghĩa thống kê lên sự phát triển của hệ thống DN trong vùng. Điều này phản ánh rằng các địa phương trong vùng luôn nỗ lực cải cách các thủ tục hành chính để hỗ trợ tốt hơn cho người dân và DN phát triển (VCCI, 2024). Vì vậy, không có tạo ra sự khác biệt về tác động của yếu tố này đến sự phát triển của hệ thống DN giữa các địa phương. *Thứ năm*, như kỳ vọng, chi phí không chính thức thấp (PCI5) có tác động ý nghĩa lên sự phát triển của hệ thống DN của các địa phương trong vùng KTTĐMT về cả quy mô DN, quy mô vốn và tài sản của DN theo chiều hướng tích cực. Điều này khẳng định rằng, ở những địa phương và thời điểm khác nhau có chi phí không chính thức thấp hơn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hệ thống DN phát triển. Đồng thời, chi phí không chính thức thấp thì DN đầu tư vốn nhiều hơn và quy mô tài sản của DN được cải thiện hơn. *Thứ sáu*, chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho DN (PCI7), chúng tôi chưa tìm thấy tác động có ý nghĩa lên sự phát triển của hệ thống DN tại các địa phương vùng KTTĐMT. Điều này cho thấy được không có sự khác biệt về tính năng động, sáng tạo của chính quyền các địa phương của vùng trong hỗ trợ các DN phát triển. *Thứ bảy*, dịch vụ hỗ trợ DN (PCI8) không có ảnh hưởng ý nghĩa như kỳ vọng lên sự phát triển của hệ thống DN ở các địa phương vùng KTTĐMT. Hay nói cách khác không có sự khác biệt về vai trò của dịch vụ hỗ trợ DN đến sự phát triển của hệ thống DN ở vùng KTTĐMT. *Thứ tám*, yếu tố chính sách đào tạo lao động tốt (PCI 9) có tác động ý nghĩa lên sự phát triển của hệ thống DN tại vùng KTTĐMT. Điều này phản ánh rằng ở những địa phương có chính sách đào tạo nguồn nhân lực tốt hơn sẽ hỗ trợ tốt hơn cho DN phát triển, quyết định đầu tư phát triển sản xuất. Kết quả này cho phép kết luận rằng ở những địa phương có nguồn nhân lực chất lượng tốt hơn thì có hệ thống DN phát triển tốt hơn. *Cuối cùng*, chúng tôi không tìm thấy sự khác biệt trong tác động thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả và an ninh trật tự được đảm bảo (PCI 10) đến phát triển hệ thống DN ở các địa phương. Tại thời điểm năm 2022 chỉ số PCI 10 của Thừa Thiên Huế là 8,35; Đà Nẵng là 7,58; Quảng Nam là 7,74; Quảng Ngãi là 7,71 và Bình Định là 8,04 (VCCI, 2024). Điều đó cho thấy có sự tương đồng nhất định về xu thế và điểm tuyệt đối của chỉ tiêu này ở các địa phương trong vùng. Điều này góp phần khẳng định thêm rằng, ở Việt Nam nói chung và các

địa phương vùng KTTĐMT nói riêng các vấn đề an ninh trật tự luôn được đảm bảo tốt để hỗ trợ cho DN phát triển.

Bảng 2: Kết quả ước lượng tác động của chất lượng điều hành lên phát triển doanh nghiệp

Biến	(1) LnDN		(2) LnVon		(3) LnTS		(4) LnDT		VIF
	REM	FGLS	REM	FGLS	REM	FGLS	REM	FGLS	
LnGDP	0,981*** (0,000)	0,988*** (0,000)	2,167*** (0,000)	2,230*** (0,000)	1,664*** (0,000)	1,685*** (0,000)	2,153*** (0,000)	2,056*** (0,000)	4,08
LnTongl	0,168** (0,010)	0,306*** (0,002)	0,005 (0,962)	-0,025 (0,843)	0,156 (0,226)	0,098 (0,444)	-0,182** (0,022)	-0,114 (0,203)	2,77
PCI1	-0,043 (0,366)	-0,008 (0,823)	0,016 (0,769)	0,033 (0,428)	0,006 (0,917)	0,027 (0,536)	0,183*** (0,000)	0,067** (0,015)	1,67
PCI2	-0,035 (0,490)	-0,004 (0,906)	-0,078 (0,186)	0,045 (0,304)	-0,123* (0,055)	-0,029 (0,539)	-0,047 (0,218)	-0,018 (0,539)	1,85
PCI3	0,033 (0,579)	0,039 (0,386)	0,039 (0,575)	-0,010 (0,845)	0,031 (0,670)	0,018 (0,744)	0,015 (0,727)	0,012 (0,733)	1,56
PCI4	0,031 (0,466)	0,009 (0,741)	0,011 (0,815)	-0,001 (0,986)	-0,122** (0,022)	-0,087** (0,013)	0,009 (0,775)	0,019 (0,371)	1,86
PCI5	0,156*** (0,002)	0,077** (0,040)	0,219*** (0,000)	0,100** (0,022)	0,264*** (0,000)	0,132*** (0,005)	0,086** (0,032)	0,043 (0,137)	1,68
PCI7	0,322 (0,313)	0,028 (0,301)	-0,113*** (0,005)	-0,075** (0,017)	-0,070 (0,104)	-0,032 (0,345)	-0,035 (0,188)	-0,028 (0,191)	2,00
PCI8	-0,123*** (0,004)	-0,052* (0,072)	-0,080 (0,107)	-0,036 (0,279)	-0,002 (0,963)	-0,018 (0,615)	0,032 (0,331)	-0,014 (0,515)	3,06
PCI9	0,322*** (0,000)	0,194*** (0,000)	0,175*** (0,003)	0,120** (0,018)	0,153** (0,015)	0,132** (0,013)	-0,132 (0,788)	0,062* (0,081)	3,51
PCI10	-0,616* (0,071)	-0,032 (0,197)	0,047 (0,253)	0,003 (0,914)	0,051 (0,232)	0,028 (0,363)	0,057** (0,032)	0,015 (0,443)	2,43
Hàng số	-6,41	-6,47	-12,92	-12,93	-9,24	-8,85	-11,48	-10,14	
N	85	85	85	85	85	85	85	85	
White	0,4179		0,2674		0,3362		0,3703		
Wooldridge	0,0035		0,0034		0,0003		0,0019		
Hausman Rem/Fem	0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		

Ghi chú: () biểu hiện mức ý nghĩa α ; *, **, *** biểu thị mức ý nghĩa α lần lượt là 10%, 5% và 1%

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu

5. Kết luận và một số hàm ý

Sử dụng mô hình hồi quy với dữ liệu bảng (Data panels) có điều chỉnh tự tương quan về tác động của chất lượng điều hành kinh tế đến sự phát triển của hệ thống DN ở các địa phương vùng KTTĐMT. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, các yếu tố về chi phí gia nhập thị trường thấp, chi phí không chính thức thấp và chính sách đào tạo nguồn nhân lực tốt có tác động rất quan trọng đến sự phát triển của hệ thống DN. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tìm thấy được vai trò quan trọng của quy mô nền kinh tế địa phương, tổng vốn đầu tư thực hiện của các địa phương có những tác động quan trọng đến sự phát triển của hệ thống DN. Ngược lại, các yếu tố về tiếp cận đất đai, tính minh bạch, chi phí thời gian, tính năng động, pháp lý địa phương không có tác động ý nghĩa lên sự phát triển của hệ thống DN tại các địa phương vùng KTTĐMT. Kết quả nghiên cứu này cho phép chúng tôi gợi mở một số hàm ý sau:

Thứ nhất, tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công hỗ trợ DN, đẩy nhanh rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính hỗ trợ cho DN. Trọng tâm là giảm chi phí không chính thức cho DN để qua đó góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển hệ thống DN của các địa phương vùng KTTĐMT. Đặc biệt, yếu tố xếp hạng PCI5 năm 2023 của Bình Định xếp hạng 37/63; Quảng Ngãi xếp hạng 16/63 là những địa phương xếp hạng thấp ở thời điểm năm 2023 cần được cải thiện tốt hơn vào thời gian tới.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện chính sách phát triển lao động tốt (PCI9) để hỗ trợ cho DN phát triển. Kết quả ước lượng đã chỉ ra vai trò rất quan trọng của yếu tố này. Tuy nhiên, xếp hạng PCI9 của các địa phương trong vùng KTTĐMT (trừ Đà Nẵng) là rất thấp so với cả nước. Do đó, để góp phần quan trọng cho sự phát triển hệ thống các DN của vùng, đòi hỏi các địa phương cần nỗ lực hơn nữa trong việc thực hiện chính sách đào tạo lao động tốt.

Thứ ba, vấn đề chi phí gia nhập thị trường thấp cũng là yếu tố đặt ra nhằm thúc đẩy hệ thống DN của các địa phương phát triển. Nhất là vấn đề doanh thu của hệ thống DN ở các địa phương trong vùng được cải thiện nếu như chi phí gia nhập thị trường thấp hơn.

Thứ tư, đẩy mạnh cải thiện quy mô kinh tế, qua đó mở rộng quy mô thị trường nội địa ở vùng KTTĐMT. Kết quả ước lượng đã chỉ ra rằng những địa phương có quy mô kinh tế (quy mô thị trường) lớn hơn thì có nhiều cơ hội hơn cho DN ở các địa phương phát triển cả về quy mô số lượng DN, quy mô vốn, quy mô tài sản, doanh thu của các DN ở từng địa phương. Đặc biệt, quy mô thị trường nội địa có vai trò rất quan trọng cho sự thành công của DN nhỏ và vừa (Hoàng Hồng Hiệp và cộng sự, 2022).

Thứ năm, thực tiễn phân tích ở hình 2 cho thấy mối quan hệ giữa PCI với sự phát triển của hệ thống DN theo chiều hướng tích cực. Chính vì vậy, để thúc đẩy hệ thống DN phát triển đòi hỏi các địa phương phải nỗ lực cải thiện tất cả các chỉ tiêu của chất lượng điều hành kinh tế từ tiếp cận đất đai, cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách hành chính, giảm chi phí thời gian, cải thiện các dịch vụ hỗ trợ cho DN, nâng cao tính năng động, sáng tạo của chính quyền địa phương và đảm bảo yếu tố pháp lý và an toàn cho sự phát triển của hệ thống DN.

Tài liệu tham khảo

- Agarwal, S., & Ramaswami, S. N. (1992). Choice of foreign market entry mode: Impact of ownership, location and internalization factors. *Journal of International business studies*, 23, 1-27.
- Ahene, R. A. (2009, March). Measures to improve access to land resources and related benefits in Uganda. In *FIG and World Bank Conference on Land Governance in Support of the MGDs: Responding to New Challenges*.
- Balaguer-Coll, M. T., Narbón-Perpiñá, I., Peiró-Palomino, J., & Tortosa-Ausina, E. (2022). Quality of government and economic growth at the municipal level: Evidence from Spain. *Journal of Regional Science*, 62(1), 96-124.
- Chu Thị Phương Mai (2015). Tác động của môi trường thể chế đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp FDI. *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, 74(Số 74), 14-24.
- Greene, W. H. (2000). *Econometrics Analysis*. Prentice Hall, Upper Saddle River.
- GSO (2024). Số liệu thống kê. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/>, ngày 01/4/2024.
- Hồ Chí Dũng, Nguyễn Hoài Long, Đinh Văn Oanh, Phạm Thị Kim Thanh, Trần Việt Dũng (2018). Ảnh hưởng của các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đến sự hài lòng của doanh nghiệp về môi trường kinh doanh: Nghiên cứu tại Phú Thọ. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 3, 1-11.
- Hoàng Hồng Hiệp, Đào Vũ Phương Linh, Lê Mỹ Kim (2022). Những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa vùng Nam Trung Bộ. *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, 9(447), 3-13.
- Kennedy, P. (2008). *A guide to econometrics*. John Wiley & Sons.
- Lê Văn Hương, Trần Cương (2022). Tác động của quản trị công đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp ở Việt Nam. *Tạp chí khoa học đại học mở thành phố Hồ Chí Minh-kinh tế và quản trị kinh doanh*, 17(5), 80-95.
- Leonidou, L. C. (2004). An analysis of the barriers hindering small business export development. *Journal of small business management*, 42(3), 279-302.
- Madhok, A. (1998). The nature of multinational firm boundaries: Transaction costs, firm capabilities and foreign market entry mode. *International Business Review*, 7(3), 259-290.

Nguyễn Đức Tân (2023). Các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 12, 109-112.

Nguyễn Phú Sơn, Nguyễn Thị Thu An, Võ Hồng Phương (2013). Các yếu tố tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 27, 84-93.

Nguyễn Xuân Bé (2023). Các nhân tố tác động đến sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. *Hội thảo khoa học*, 99.

Phạm Thế Anh, Chu Thị Mai Phương (2015). Tác động của môi trường thể chế đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 215, 20-32.

Røge, K. M., & Lennon, N. J. (2018). A study on the criteria of internal transparency, efficiency and effectiveness in measuring local government performance. *Financial Accountability & Management*, 34(4), 392-409.

VCCI (2024). Báo cáo chỉ số PCI và PGI 2023 – Hồ sơ 63 tỉnh, thành phố Việt Nam. Truy cập tại https://pcivietnam.vn/uploads/VN-Bao-cao-ngan-PCI/Bao-cao-ngan-2023_final.pdf, ngày 01/5/2024.

Worthington, A., & Dollery, B. (2000). *Efficiency measurement in the local public sector: Econometric and mathematical programming frontier techniques*. Queensland University of Technology, School of Economics and Finance.